| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM GIÀNG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2025/HS-ST
Ngày: 19 - 3 - 2025

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Bùi Ngọc Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Trọng Vần; ông Dương Văn Ngạn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng .

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 28/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HS ngày 07/3/2025, đối với bị cáo:

**Phạm Văn D**, sinh ngày 08/01/2000, tại thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; HKTT và chỗ ở: thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn D1, sinh 1976 và bà Đỗ Thị T, sinh 1976; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Chưa có vợ, con.

Tiền án:

- Bản án số 147 ngày 18/9/2018, TAND huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 16 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (D chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/11/2019 và các quyết định khác của bản án).

- Bản án số 66 ngày 07/8/2020, TAND huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Bản án số 188 ngày 27/8/2020, TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 32 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Quyết định tổng hợp bản án số 02 ngày 13/10/2020, TAND thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh tổng hợp Bản án số 66 ngày 07/8/2020 của TAND huyện Thuận Thành với bản án hình sự sơ thẩm số 188 ngày 27/8/2020 của TAND thị xã Từ Sơn, buộc Phạm Văn D chấp hành hình phạt chung là 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (D chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2023 và phần án phí).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 14/QĐ-XPHC ngày 20/2/2017, Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh xử phạt về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền. Bị can đã chấp hành xong ngày 20/2/2017.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/11/2024 đến ngày 06/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Vũ Năng T1, sinh năm 1973 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1963. Địa chỉ: khu phố L, phường H, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: thôn C, M, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

- Anh Phạm Văn D1, sinh năm 1976. Địa chỉ: thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1976. Địa chỉ: thôn Q, xã C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:

Phạm Văn D là người nghiện ma túy và không có việc làm ổn định. Khoảng 15 giờ ngày 16/11/2024, D mang theo 01 thanh sắt dài khoảng 70cm và điều khiển xe môtô BKS 99E1-209.34 (xe của D) đi từ nhà đến xã T (nay là thị trấn C), huyện C với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến thôn T, thị trấn C, D thấy nhà ông Vũ Năng T1, sinh năm 1973 khóa cổng, không có ai ở nhà. D dựng xe ở ngoài cổng rồi dùng thanh sắt luồn vào giữa móc khóa, bẻ từ trên xuống làm bung khóa cổng. D mở cổng đi vào bên trong, tiếp tục dùng thanh sắt để cậy khóa cửa nhà kho. D thấy bên trong kho có nhiều bao dứa màu trắng đựng thóc. D bê lần lượt 06 bao thóc xếp lên xe lôi của nhà ông T1 để trước cửa kho và kéo xe lôi ra ngoài. D để càng xe lôi vào sau xe môtô đồng thời ngồi lên thanh ngang nối hai bên càng xe lôi rồi điều khiển xe môtô kéo theo xe lôi chở thóc đến bán cho bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1963, ở khu phố L, phường H, thị xã T được 1.960.000 đồng. Tiếp đó, D kéo xe lôi đến bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974, ở thôn C, xã M, thị xã T được 250.000 đồng. Sau đó, bà H đã bán lại xe lôi cho người không quen biết. Số tiền bán thóc và xe lôi D đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 30/11/2024, ông Vũ Năng T1 có đơn trình báo. Cùng ngày, Phạm Văn D đến Cơ quan CSĐT Công an huyện C đầu thú, khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân, vụ án được điều tra làm rõ.

Các ngày 30/11/2024, 02/12/2024 và 09/02/2025, Cơ quan CSĐT Công

an huyện C quản lý 01 xe môtô, BKS 99E1 - 209.34 màu xanh trắng; 01 thanh sắt hình trụ đường kính 2cm, dài 70cm, do D tự nguyện giao nộp; quản lý 06 bao thóc do bà Nguyễn Thị O tự nguyện giao nộp; quản lý 01 quần dài màu xanh, 01 đôi tông màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen (trang phục D mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản) do mẹ của D là bà Đỗ Thị T giao nộp.

Tại Kết luận định giá tài sản số 59/KL-HĐĐG-TTHS ngày 03/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C, kết luận: 06 bao thóc có tổng khối lượng 245kg, có giá trị là 2.254.000 đồng; 01 xe lôi, đã qua sử dụng, có giá trị là 350.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm thiệt hại là 2.604.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKS ngày 28/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Phạm Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 07 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/11/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt hình trụ đường kính 2cm, dài 70cm; 01 quần dài màu xanh, 01 đôi tông màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen;

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước giá trị chiếc xe môtô, BKS 99E1-209.34 màu xanh trắng, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô, xe máy số 023717 mang tên Nguyễn Tiến H1;

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên toà, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung nêu trên, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/11/2024, tại nhà ông Vũ Năng T1, sinh năm 1973, ở thôn T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn D đã có hành vi sử dụng thanh sắt kim loại cậy khoá cửa cổng và cửa kho nhà ông T1, chiếm đoạt 06 bao thóc trị giá 2.254.000 đồng và 01 xe lôi trị giá 350.000 đồng. Tổng trị giá tài sản D chiếm đoạt là 2.604.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi, lợi dụng sơ hở của gia đình bị hại không có người trông coi, bị cáo đã lén nút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản với lỗi cố ý, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 2.604.000 đồng. Bị cáo đã 03 lần bị kết án, trong đó có 02 bản án đã xác định tái phạm, nay chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án chưa được xóa án tích nhưng đã xác định là tình tiết định khung hình phạt nên không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải, giá trị tài sản chiếm đoạt không lớn; sau khi bị hại có đơn trình báo, bị cáo đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đầu thú và được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, nhân thân, thái độ khai báo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét

thấy bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện tội phạm nên cần phải có mức hình phạt nghiêm, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tương xứng với tính chất, hành vi của bị cáo, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Gia đình ông T1, bà N đã nhận lại 06 bao thóc; đối với chiếc xe lôi ông T1 và bà N xác định giá trị không lớn nên tự nguyện cho bị cáo và không yêu cầu phải bồi thường; Bà Nguyễn Thị O tự nguyện cho bị cáo, không yêu cầu phải bồi thường số tiền 1.960.000đồng mua 06 bao thóc nên về trách nhiệm dân sự không phải giải quyết.

[8]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, thu giữ 01 xe môtô YAMAHA Exciter BKS 99E1-209.34 màu xanh trắng do ông D1 là bố đẻ bị cáo mua đã cho bị cáo D để làm phương tiện đi lại. Bị cáo đã sử dụng làm phương tiện dùng vào việc phạm tội, tài sản có giá trị nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thu giữ 01 thanh sắt hình trụ đường kính 2cm, dài 70cm. Đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thu giữ 01 quần dài màu xanh, 01 đôi tông màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen. Đây là trang phục bị cáo Duy M khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện không nhận lại. Xét các tài sản trên không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

[9]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11]. Các vấn đề khác: Đối với bà Nguyễn Thị O và chị Nguyễn Thị H không biết số thóc và xe lôi D mang bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Quá trình điều tra, bị cáo D còn khai nhận vào khoảng nửa tháng trước thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp ngày 16/11/2024, còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc máy bơm nước nhưng không nhớ vị trí, đặc điểm tài

sản trộm cắp và bán cho ai, ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã ra thông báo tìm người bị hại liên quan đến hành vi của bị cáo D, đến nay không có thông tin gì nên không có căn cứ xử lý hành vi này của bị cáo D là phù hợp.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Phạm Văn D **02** (hai) năm **03** (ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/11/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không phải giải quyết.

5. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước giá trị 01 xe môtô YAMAHA Exciter BKS 99E1-209.34 màu xanh trắng, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô, xe máy số 023717 mang tên Nguyễn Tiến H1;

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt hình trụ đường kính 2cm, dài 70cm; 01 quần dài màu xanh, 01 đôi tông màu xanh và 01 mũ bảo hiểm màu đen.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 28/02/2025).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn D phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người liên quan là anh D1, chị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại là anh T1, chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Người liên quan là bà O, chị H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần có liên quan đến mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh HD;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Bị cáo; bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Bùi Ngọc Khuyến**